

MÔN: ANH NGỮ CAO CẤP 2**SỐ TÍN CHỈ: 2****MÃ MÔN: ENG302****HỌC KỲ: 1****Thời gian : 12/12/2014****LẦN THI : 1**

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
1	162354062	Hà Minh Sơn	ENG 302 AC	K16QTC1	8	8	7.5	9	0	0	0	0.0	Không		
2	1827247736	Trần Thanh Hiền	ENG 302 AE	D18QNH2	6	6	4	3	4.6	6	5.3	4.9	Bốn Phẩy Chín		
3	142234514	Trần Văn Nhật	ENG 302 AE	K15KTR5	6	6	5	4	3.6	6	4.8	4.9	Bốn Phẩy Chín		
4	152353470	Lê Minh Quân	ENG 302 AE	K15QTC2	4	4	4	5	3.3	5	4.1	4.2	Bốn Phẩy Hai		
5	162233569	Lê Đức Quốc	ENG 302 AE	K16KTR3	0	0	0	0	0	0	0	0.0	Không		
6	162233589	Vũ Đức Thành	ENG 302 AE	K16KTR2	3	3	0	0	3.8	6	4.9	3.1	Ba Phẩy Một		
7	162233615	Lê Thanh Tịnh	ENG 302 AE	K16KTR3	5	5	5	3	2.9	6	4.4	4.5	Bốn Phẩy Năm		
8	162217004	Nguyễn Lương Tuấn Anh	ENG 302 AG	K16XDD1	8	8.5	8	6.5	4.6	6	5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
9	1826268087	Nguyễn Thị Kim Hạnh	ENG 302 AG	D18KDN1B	9	9	8	7.5	6.9	6	6.4	7.2	Bảy Phẩy Hai		
10	162327437	Trần Thị Hiền	ENG 302 AM	K16KKT3	8	8	8	7.5	5.8	7	6.4	7.1	Bảy Phẩy Một		
11	142111022	Đinh Hữu Quang	ENG 302 AM	K14TMT	8	8	9	8	7.8	4.5	6.1	7.2	Bảy Phẩy Hai		
12	162233576	Lộ Thanh Tâm	ENG 302 AO	K16KTR3	5	9	5.6	4	6.2	6	6.1	6.0	Sáu		
13	162233642	Nguyễn Thế Vũ	ENG 302 AO	K16KTR3	7	9	6	4	0	0	0	0.0	Không		
14	142211174	Nguyễn Tuấn Anh	ENG 302 AQ	K14XDD1	10	9	6	7.5	4	8	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
15	179122146	Nguyễn Đình Huy	ENG 302 AQ	D17CMU_TPM	6	6	5	7	0	0	0	0.0	Không		
16	1826268520	Hoàng Thị Mỹ Lệ	ENG 302 AQ	D18KDN7B	7	7	4	4	5.3	7.5	6.4	5.8	Năm Phẩy Tám		
17	152313984	Nguyễn Mai Phương	ENG 302 AQ	K15KKT2	7	7	6	7	5.8	7.5	6.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
18	162524330	Vũ Công Quang	ENG 302 AQ	K16QNH5	8	8	8.5	6	4.2	5	4.6	6.0	Sáu		
19	1826217634	Đinh Thị Như Quỳnh	ENG 302 AQ	D18QTHB2	7	7	6	7.5	4.4	3	3.7	0.0	Không		
20	179213583	Trương Duy Bảo	ENG 302 AS	D17XDD2	8	8	7.5	7.5	6.7	6	6.3	6.9	Sáu Phẩy Chín		
21	1827617360	Nguyễn Văn Kiên Cường	ENG 302 AS	D18XDD3B	7	8	7.5	8	4.9	6	5.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
22	1827617354	Phan Thái Thụy	ENG 302 AS	D18XDD3B	9	10	7.6	8.5	4.7	6.5	5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	16	73%	
2	Số sinh viên nợ	6	27%	
TỔNG CỘNG :		22	100%	

NGƯỜI LẬP

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 12 năm 2014

P. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**Trần Trung Mai****ThS. Nguyễn Ân**